

Số: 24/2018/QĐST - DS

Ngày: 08/11/2018

“V/v: *“Tranh chấp chia tài
sản chung và chia di sản thừa kế”*”

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Long**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà

Căn cứ vào các điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 16/2018/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà NTU, sinh năm 1975

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà NTU: Luật sư NTBT – Công ty luật TG – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

* **Bị đơn:** Ông NTC, sinh năm 1951

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông NTC: Luật sư NVT và Luật sư VTV – Văn phòng luật sư ĐH – Đoàn luật sư Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà NTT1, sinh năm 1957

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà NTT1 ủy quyền cho ông NTC.

2. Ông NTT2, sinh năm 1962

Cư trú tại: xã Đ, huyện Quốc Oai, TP Hà Nội.

3. Bà NTS, sinh năm 1956

Cư trú tại: xóm Đ, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

4. Bà NTN, sinh năm 1962

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

5. Bà NTN1, sinh năm 1969

Cư trú tại: xóm T1, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà NTS, bà NTN, bà NTN1 đều ủy quyền cho ông NTT2.

6. Bà LTC1, sinh năm 1938.

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

7. Bà NTN2, sinh năm 1972

Cư trú tại: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

8. Bà NTN3, sinh năm 1977

Cư trú tại: xóm B, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

9. Bà NTL, sinh năm 1982

Cư trú tại: xóm B, thôn T, xã Trung Hòa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Bà LTC1, bà NTN2, bà NTN3 đều ủy quyền cho bà NTL.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ huyết thống: Ông NTB (sinh năm 1927, chết ngày 24/10/2015) và bà LTP (chết năm 1969) có 05 con chung bao gồm: Ông NTC, ông NTT2, bà NTS, bà NTN, bà NTN1. Ông NTB và bà LTC1 và có 04 con chung bao gồm: Bà NTN2, bà NTU, bà NTN3, bà NTL.

2.2. Về tài sản: Thửa đất diện tích $284m^2$ tại địa chỉ: xóm T, xã T, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BL do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 03/4/2013 mang tên Hộ ông NTB) là tài sản chung của ông NTB và bà LTC1.

Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất có tổng giá trị là: 2.338.791.805 đồng. Trong đó: Giá trị tài sản chung của ông B, bà C1 là: 2.276.944.655 đồng; giá công trình ông C xây dựng trên đất là: 61.847.150 đồng.

2.3. Về thời điểm mở thừa kế: Thời điểm mở thừa kế đối với di sản của ông NTB là ngày 24 tháng 10 năm 2015.

2.4. Về hàng thừa kế: Hàng thừa kế thứ nhất của ông NTB bao gồm **10** người: Bà LTC1, ông NTC, ông NTT2, bà NTS, bà NTN, bà NTN1, bà NTN2, bà NTU, bà NTN3, bà NTL.

2.5. Chia tài sản của ông NTB và bà LTC1 như sau:

+ Chia cho ông **NTC** quyền sử dụng diện tích **$117.5m^2$** đất tại ô số **2**, trên đất có móng nhà ông C xây năm 2016 diện tích **$76.0m^2$** và một phần diện tích nhà cấp 4. Diện tích đất chia cho ông C có các mặt tiếp giáp như sau: Giáp đường AT rộng **5.34m**; Giáp đất ông Mùi rộng **5.39m**; Giáp ô số 3 dài **21.57m**; Giáp ô số 1 dài **22.44m** (diện tích đất giao được thể hiện tại các điểm 2,3,6,7,2). Ông NTC được sở hữu các công trình trên phần diện tích đất được chia. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chia cho ông C có tổng giá trị là **1.003.453.880** đồng. **(Có sơ đồ kèm theo).**

+ Chia cho bà **LTC1** quyền sử dụng diện tích **$75.5m^2$** đất tại ô số **1**, trên đất có móng nhà cũ đã phá và một phần diện tích nhà cấp 4. Diện tích đất chia cho bà C1 có các mặt tiếp giáp như sau: Giáp đường AT rộng **4.63m**; Giáp đất ông Mùi rộng

2.05m; Giáp ô số **2** dài **22.44m**; Giáp nương dài **23.0m** (diện tích đất giao được thể hiện tại các điểm 1,2,7,8,1). Bà LTC1 được sở hữu các công trình trên phần diện tích đất được chia. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chia cho bà C1 có tổng giá trị là **604.350.765** đồng. (Có sơ đồ kèm theo).

+ Chia cho bà **LTC1** quyền sử dụng diện tích **91.0m²** đất tại ô số **3**, trên đất có một phần diện tích nhà cấp 4 và gian nhà cấp 4 cũ sử dụng làm cổng. Diện tích đất chia cho bà C1 có các mặt tiếp giáp như sau: Giáp đường AT rộng **5.03m**; Giáp đất ông Mùi rộng **3.56m**; Giáp ô số **2** dài **21.57m**; Giáp đất bà Mậu dài **21.0m** (diện tích đất giao được thể hiện tại các điểm 3,4,5,6,3). Bà LTC1 được sở hữu các công trình trên phần diện tích đất được chia. Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản trên đất chia cho bà C1 có tổng giá trị là **730.987.160** đồng. (Có sơ đồ kèm theo).

Các bên không phải thanh toán chênh lệch cho nhau

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ án phí chia tài sản cho bà LTC1 và ông NTC.

Hoàn trả bà NTU số tiền **22.680.000** đồng dự phí đã nộp (theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0003408 ngày 01/6/2018) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hoàng Long

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tp Hà Nội;
- VKSND huyện Chương Mỹ,
- CC.THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu HSV/VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 39-DS:

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 56/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

(6) Phần cuối cùng của Quyết định cần phải có đầy đủ chữ ký, họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử (Quyết định này phải lưu vào hồ sơ vụ án); Quyết định gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì cần ghi như sau:

Nơi nhận:

- Ghi theo quy định tại đoạn 2 khoản 1 Điều 212 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

